

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày 31 - 5 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhân Phái và Ông Nguyễn Thế Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế (Số X đường Y, tổ dân phố N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/TLST-HS, ngày 02/5/2019, đối với bị cáo:

Trần Nhật D, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 08 tháng 6 năm 1971 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm S, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lái xe ô tô; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1929 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1935; có vợ là Tăng Thị Hồng M, sinh năm 1979 và có 02 người con; tiền sự, tiền án: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/11/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện hợp pháp của bị hại Tống Phước C, sinh năm 1968 (đã chết), gồm có: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968 (là vợ của bị hại), vắng mặt; anh Tống Phước D, sinh năm 1993 (là con của bị hại), có mặt; chị Tống Thị Thùy Tr, sinh năm 1999 (là con của bị hại) vắng mặt; (bà Th ủy quyền cho anh D tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 03/10/2018; chị Tr ủy quyền cho anh D tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2019); điều cư trú tại: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ vận tải hành khách H; địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông

Hoàng Văn H, sinh năm 1974; nơi cư trú: xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Ngô Trí Ch, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Xóm S, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 35 phút ngày 24/9/2018, Trần Nhật D có giấy phép lái xe hạng A1, E có giá trị đến ngày 06/01/2022, trực tiếp điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 37B-ABC.DĐ (xe thuộc sở hữu của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ vận tải hành khách H) chạy trên đường Quốc lộ 1 theo hướng Huế - Đà Nẵng. Khi đến Km 873+900 Quốc lộ 1 thuộc địa phận xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, đoạn đường này có đặc điểm thẳng, hai bên đường có dân cư sinh sống, mặt đường rải nhựa bằng phẳng, rộng 20 m, ở giữa có giải phân cách cứng chia mặt đường thành hai phần đường riêng biệt dành cho hai dòng phương tiện chạy ngược chiều nhau, có điểm ngắt quãng của giải phân cách cứng có định rộng 25 m, hai điểm đầu ngắt quãng có gắn biển báo “Cấm đi ngược chiều”. Phần đường bên phải (hướng Huế - Đà Nẵng rộng 9,6 m, trên mặt đường có kẻ các vạch sơn màu trắng phân chia các làn đường dành cho xe cơ giới, phần đường dành cho xe thô sơ, người đi bộ và trên mặt đường có 3 cụm gờ giảm tốc. Trần Nhật D điều khiển xe ô tô 37B-ABC.DĐ chạy trên phần đường của xe cơ giới, với vận tốc khoảng 75 - 76 Km/h (theo lời khai của D). Lúc này phía trước cùng chiều với xe ô tô do D điều khiển có xe máy biển kiểm soát 75-EFG-HN do ông Tống Phước C điều khiển đang chuyển hướng qua đường (từ phần đường Huế - Đà Nẵng sang phần đường Đà Nẵng - Huế) nhưng thiếu chú ý quan sát. Do Trần Nhật D điều khiển xe ô tô 37B-ABC.DĐ không chấp hành chỉ dẫn của hệ thống biển báo hiệu đường bộ, không giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép khi đi qua đoạn đường có nhiều cụm gờ giảm tốc, nên xe ô tô do D điều khiển đã va chạm vào xe máy 75-EFG-HN do ông Tống Phước C điều khiển đang chuyển hướng qua đường gây tai nạn. Hậu quả ông Tống Phước C bị thương nặng, được cấp cứu tại bệnh viện, sau đó chết, xe ô tô 37B-ABC.DĐ và xe máy 75-EFG-HN bị hư hỏng.

** Kết quả khám nghiệm hiện trường (hướng Huế - Đà Nẵng) xác định:*

Vụ tai nạn xảy ra thuộc phần đường bên phải (hướng Huế - Đà Nẵng) rộng 9,6 mét, trên mặt đường có kẻ các vạch sơn màu trắng phân chia mặt đường thành các làn đường dành cho xe cơ giới, người đi bộ, xe thô sơ và phương tiện khác, trên mặt đường có 3 cụm gờ giảm tốc. Vạch sơn màu trắng liên tục bên phải cách mép phải đường 02 m.

Xe ô tô 37B-ABC.DĐ trong trạng thái đậu đỗ trên mặt đường nhựa, phần đường ở giữa, trên phần ngắt quãng của giải phân cách cứng có định. Phần thân

trước xe ở trên phần đường bên trái, thân xe theo hướng từ sau tới trước, từ phải sang trái, hướng Huế - Đà Nẵng. Mặt ngoài của lốp bánh sau và bánh trước của hàng lốp bên phải cách mép phải đường lần lượt là 8,6 m và 10,3 m.

Xe máy 75-EFG-HN trong trạng thái nằm đổ nghiêng toàn thân sang phải trên mặt đường của phần đường bên trái, thân xe theo hướng từ sau tới trước, hướng Huế - Đà Nẵng. Trục bánh trước và bánh sau cách mép trái giải phân cách cứng cố định giữa đường lần lượt là 1,1 m và 0,5 m. Trục bánh sau cách trục bánh trước bên phải xe ô tô 37B-ABC.DĐ là 1,75 m.

Trên mặt đường của phần đường hướng Huế - Đà Nẵng có đám dầu vết cày xước mặt đường, có chiều hướng từ phải sang trái, có chiều dài 21 m, gồm nhiều vết cày nhỏ tạo thành, điểm rộng nhất 02 cm, điểm đầu cách mép phải đường 06 m, cách biển báo “Cấm đi ngược chiều” phía Huế 6,3 m, cách mép sau đuôi xe ô tô 37B-ABC.DĐ là 9,3 m, điểm cuối nằm dưới thân xe máy 75-EFG-HN (dầu vết 1).

Vị trí số 2 theo lời trình bày của những người biết sự việc là vị trí ông Tống Phước C sau tai nạn giao thông, nằm trên phần đường bên phải, cách mép giải phân cách cứng ở giữa đường 3,1 m, cách trục bánh trước xe ô tô 37B-ABC.DĐ là 04 m.

** Kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông xác định:*

- Xe ô tô 37B-ABC.DĐ: Kính chắn gió trước bên phải nứt vỡ hình mạng nhện, tâm đám vỡ lún vào trong theo hướng từ trước ra sau, trong diện 0,7 x 0,6 m, tâm đám này cách mặt đất 1,54 m, cách mép phải thân xe 0,38 m, Phần bên phải của cản trước rách hỏng, tại vị trí góc ê ke, bề mặt bám bản màu đen, in hình răng của gác để chân xe máy, vết bám bản cách mặt đất 0,36 m. Vỏ cụm đèn chiếu xa phía trước bên phải vỡ hỏng, gồm cả phần chóa đèn. Sườn khung kim loại của phần cản trước bên phải ở tại vị trí cản trước rách hỏng, móp méo biến dạng, xây xước từ trái sang phải, bề mặt bám bản màu đen, vết móp méo này cách mặt đất 0,36 m và cách mép phải thân xe 0,15 m. Tại vị trí góc dưới phía trước cửa lên xuống có vết cày xước, in hằn theo chiều từ trước ra sau, xây xước sơn, bám bản.

- Xe máy 75-EFG-HN: Thân xe biến dạng, cong vênh theo chiều từ trái sang phải, biến dạng tại vị trí gắn động cơ xe. Cụm đèn phía trước bung khỏi thân xe. Tay lái xô nghiêng, ống cao su tay cầm nắm tay lái bên phải cả mòn cao su. Cản phanh bánh sau cong vênh, biến dạng tại phần bàn đạp, bề mặt ngoài bám bản, cả mòn kim loại. Vỏ ốc động cơ tại vị trí bàn đạp phanh bánh sau vỡ thủng, vết thủng in hình bàn đạp phanh. Gác chân trước phải xô ngã về sau, cả mòn lõi kim loại theo chiều từ trước ra sau. Phần đuôi xe biến dạng theo chiều từ phải sang trái, mang trái vỡ hỏng. Gác chân trước xô ngã về trước, bề mặt thân kim loại bám chất sơn màu xanh, ống cao su cả rách hư hỏng. Vỏ động cơ bên trái vỡ, bề mặt bám chất sơn màu xanh. Gác chân sau trái xô ngã về trước, bám chất sơn màu xanh. Ống phuộc trái của lốp bánh sau xô ngã về trước sang phải, bề mặt bám chất sơn màu xanh.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 240-18/TT ngày 02/10/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận nguyên nhân chết của ông Tống Phước C như sau:

1. Chẩn đoán pháp y: Chấn thương vỡ sập lồng ngực ... gây tử vong.
2. Nguyên nhân chết: Chấn thương nặng do tai nạn giao thông. Loại trừ mọi nguyên nhân khác.

* Ngày 09/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận, xác định giá trị thiệt hại về tài sản của xe ô tô 37B-ABC.DĐ là: 15.200.000 đồng; xe máy 75-EFG-HN là 3.458.000 đồng. Tổng cộng: 18.685.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tạm giữ: Xe ô tô biển kiểm soát 37B-ABC.DĐ (cùng các giấy tờ của xe); xe máy 75-EFG-HN và 01 giấy phép lái xe hạng A1, E mang tên Trần Nhật D.

Ngày 03/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 12/QĐ trả lại xe ô tô 37B-ABC.DĐ (cùng các giấy tờ liên quan của xe) cho chủ sở hữu. Hiện còn tạm giữ xe máy 75-EFG-HN, 01 Giấy phép lái xe hạng A1, E mang tên Trần Nhật D. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nguồn gốc của chiếc xe máy này.

Về phần dân sự:

Bị cáo Trần Nhật D và đại diện hợp pháp gia đình của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường các khoản tiền cấp cứu, mai táng và các chi phí khác với tổng số tiền 70.000.000 đồng (trong đó chủ sở hữu xe ô tô 37B-ABC.DĐ bồi thường số tiền 35. 000.000 đồng, bị cáo Trần Nhật D bồi thường số tiền 35. 000.000 đồng).

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 26/4/2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố Trần Nhật D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Nhật D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Nhật D từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Về vấn đề dân sự: Tại phiên tòa không có ai yêu cầu gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại xe máy biển kiểm soát 75-EFG-HN cho đại diện gia đình bị hại, trả lại giấy phép lái xe hạng A1, E cho bị cáo Trần Nhật D.

Về án phí: Bị cáo Trần Nhật D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố thì Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án này không ai có ý kiến, yêu cầu hoặc khiếu nại liên quan đến các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng nói trên là hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Lời khai của bị cáo Trần Nhật D về diễn biến của vụ tai nạn giao thông đường bộ là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết quả khám nghiệm phurong tiện liên quan đến vụ tai nạn, kết luận giám định pháp y về nguyên nhân chết của ông Tống Phước C và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Vào khoảng 22 giờ 35 phút ngày 24/9/2018, bị cáo Trần Nhật D (có giấy phép lái xe hạng A1, E có giá trị đến ngày 06/01/2022) trực tiếp điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 37B-ABC.DĐ chạy hướng Huế - Đà Nẵng. Khi đến Km 873+900 Quốc lộ 1, thuộc địa phận xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế xe ô tô do bị cáo D điều khiển đã va chạm vào xe máy 75-EFG-HN do ông Tống Phước C điều khiển chạy cùng chiều chuyển hướng qua đường gây tai nạn. Hậu quả: Ông Tống Phước C bị thương nặng, cấp cứu tại bệnh viện sau đó chết, xe ô tô 37B-ABC.DĐ và xe máy 75-EFG-HN bị hư hỏng; có giá trị thiệt hại tổng cộng 18.658.000 đồng.

Xét nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn, tính chất lỗi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông nói trên do lỗi hỗn hợp của bị cáo Trần Nhật D và bị hại ông Tống Phước C. Cụ thể:

Lỗi của bị cáo Trần Nhật D là điều khiển xe ô tô 37B-ABC.DĐ không giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) khi đi qua đoạn đường có nhiều gờ giảm tốc, đã vi phạm khoản 1 Điều 11 của Luật Giao thông đường bộ và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ nên đã gây ra tai nạn làm ông Tống Phước C chết; đồng thời còn gây thiệt hại về tài sản của xe ô tô 37B-ABC.DĐ và xe máy 75-EFG-HN với tổng số tiền là 18.658.000 đồng.

Lỗi của bị hại ông Tống Phước C là điều khiển xe máy 75-EFG-HN chuyển hướng qua đường thiếu chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn, đã vi phạm khoản 2 Điều 15 của Luật Giao thông đường bộ nên đây cũng là một trong những nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn và hậu quả của vụ án.

Với hành vi, hậu quả và tính chất lỗi như trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Trần Nhật D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự, là có căn cứ pháp luật.

[3]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã cùng với bị đơn dân sự thỏa thuận với đại diện hợp pháp của bị hại bồi thường các khoản chi phí mai táng và các chi phí khác số tiền 70.000.000 đồng (trong đó, tiền của bị cáo bồi thường là 35.000.000 đồng); bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Đại diện hợp pháp của người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; tại phiên tòa đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án. Sau khi xem xét toàn diện hành vi, tính chất lỗi, hậu quả của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng phát huy tác dụng của hình phạt và không làm ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh đối với loại tội phạm này.

[4] Về vấn đề dân sự trong vụ án: Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Nhật D, bị đơn dân sự - chủ sở hữu xe ô tô 37B-ABC.DĐ và đại diện hợp pháp gia đình của người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường các khoản tiền điều trị, mai táng và các chi phí khác với tổng số tiền 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận về vấn đề dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Tại phiên tòa không có ai có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Ngày 03/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 12/QĐ trả lại xe ô tô 37B-ABC.DĐ (cùng các giấy tờ liên quan của xe) cho chủ sở hữu. Hội đồng xét xử xét thấy việc xử lý này là đúng quy định của pháp luật. Đối với xe máy biển kiểm soát 75-EFG-HN, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành xác minh nhưng không có kết quả, quá trình ông Tống Phước C sử dụng xe máy này trước khi chết thì cũng không có phát sinh tranh chấp về quyền sở hữu. Do vậy, cần trả lại xe máy này cho đại diện gia đình bị hại như đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu thì được giải quyết trong vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự. Đối với

giấy phép lái xe hạng A1, E của bị cáo Trần Nhật D thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo D đến Tòa án để nhận lại.

[6]. Đối với hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm chịu án phí: Bị cáo Trần Nhật D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Trần Nhật D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Nhật D 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/5/2019).

Giao bị cáo Trần Nhật D cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại 01 xe máy nhãn hiệu Honda Cup biển kiểm soát 75-EFG-HN màu xanh (có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng số 19/BBVC-CCTHADS ngày 02/5/2019 giữa cơ quan Công an huyện P với Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 mục I phần A của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Nhật D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn dân sự

vắng mặt có quyền kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P (02 bản);
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo; đại diện hợp pháp bị hại, bị đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Ngọc Tú